

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 08 – 2022

*(V/việc không công nhận
quan hệ vợ chồng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Chí Hiên

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 291/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 8, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1983.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 8, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị T trình bày, chị và anh H sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Chị T xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Ý kiến của anh H: Anh H thừa nhận sống với nhau như vợ chồng và mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh H xác định có 02 con chung tên Nguyễn Nhất S, sinh năm 2002 và Nguyễn Chúc X, sinh ngày 23/9/2007. Hiện Nguyễn Nhất S đã trưởng thành, còn Nguyễn Chúc X đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chúc X. Về cấp dưỡng, chị T không đặt ra yêu cầu và anh H cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh H: Anh xác định có 02 con chung tên Nguyễn Nhất S, sinh năm 2002 và Nguyễn Chúc X, sinh ngày 23/9/2007. Hiện Nguyễn Nhất S đã trưởng thành, còn Nguyễn Chúc X đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý để cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chúc X. Về cấp dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh H xác định tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh H xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Trương Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Phi H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh H là bị đơn có nơi cư trú tại Ấp 8, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, chị T và anh H đều xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H đều xác định chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống cả hai đều xác định có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Chị T và anh H đều xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên cả hai thống nhất chấm dứt hôn nhân với nhau.

Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của chị T và anh H chung sống như vợ chồng và không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu xin ly hôn và Tòa án đã thụ lý giải quyết. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Phi H.

[4] Về con chung: Chị T và anh H xác định có 02 con chung tên Nguyễn Nhất S, sinh năm 2002 và Nguyễn Chúc X, sinh ngày 23/9/2007. Hiện Nguyễn Nhất S đã trưởng thành, còn Nguyễn Chúc X đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị T và anh H thống nhất giao cháu Chúc X cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh H không đặt ra yêu cầu.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị T và anh H phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng chị T là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh H xác định tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh H xác định không có.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Phi H.

Về con chung: Cháu Nguyễn Nhất S, sinh năm 2002 đã trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Chúc X, sinh ngày 23/9/2007 (hiện đang ở với chị T) cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T và anh H xác định tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh H xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trương Thị T nộp 300.000đ. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022, chị đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0015132 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn